

**ĐẠI HỌC HUẾ**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT**



**HỒ XUÂN SANG**

**PHÁP LUẬT HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP  
KHỞI NGHIỆP SÁNG TẠO**

**Chuyên ngành: Luật Kinh tế**

**Mã số: 8380107**

**TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC**

**THỪA THIÊN HUẾ, năm 2018**

Công trình được hoàn thành tại:  
**Trường Đại học Luật, Đại học Huế**

Người hướng dẫn khoa học: **TS. Nguyễn Ngọc Thanh Hà**

Phản biện 1: .....

Phản biện 2: .....

Luận văn sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận văn thạc sĩ họp  
tại: Trường Đại học Luật, Đại học Huế

Vào lúc.....giờ.....ngày.....tháng ..... năm.....





# MỤC LỤC

<b>PHẦN MỞ ĐẦU .....</b>	<b>1</b>
1. Tính cấp thiết của đề tài.....	1
2. Tình hình nghiên cứu.....	2
3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu .....	4
4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu .....	4
5. Phương pháp nghiên cứu .....	5
6. Những đóng góp mới về khoa học và thực tiễn của luận văn.....	5
7. Kết cấu của Luận văn .....	6
<b>CHƯƠNG 1. NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ PHÁP LUẬT HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP KHỞI NGHIỆP SÁNG TẠO .....</b>	<b>6</b>
1.1. Khái niệm, đặc điểm và vai trò của doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo	6
1.1.1. Khái niệm doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo .....	6
1.1.2. Đặc điểm của doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo.....	7
1.1.3. Vai trò của doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo .....	8
1.2. Khái niệm và vai trò hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo .....	9
1.2.1. Khái niệm hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo .....	9
1.2.2. Vai trò của việc hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo.....	9
1.3. Pháp luật hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo .....	9
1.3.1. Khái niệm pháp luật hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo ...	9
1.3.2. Nội dung pháp luật về hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo...10	
1.3.2.1. Điều kiện để được nhận hỗ trợ .....	10
1.3.2.2. Các hỗ trợ về vốn.....	10
1.3.2.3. Các hỗ trợ về tín dụng .....	10
1.3.2.4. Các ưu đãi về thuế .....	11
1.3.2.5. Các hình thức hỗ trợ khác.....	11
1.4. Kinh nghiệm hỗ trợ ở một số nước và bài học cho Việt Nam .....	11
1.4.1. Kinh nghiệm hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo ở một số nước .....	11
1.4.2. Bài học kinh nghiệm cho Việt Nam hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo .....	12
<b>KẾT LUẬN CHƯƠNG 1 .....</b>	<b>12</b>
<b>CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP KHỞI NGHIỆP SÁNG TẠO VÀ THỰC TIỄN THỰC HÀNH TẠI VIỆT NAM.....</b>	<b>14</b>
2.1. Thực trạng pháp luật hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo ở Việt Nam.....	14
2.1.1. Tổng quan pháp luật hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo ..14	

2.1.2. Thực trạng pháp luật về điều kiện để DNKNST được nhận hỗ trợ ...	14
2.1.3. Thực trạng pháp luật quy định về hỗ trợ vốn.....	14
2.1.4. Thực trạng pháp luật quy định về ưu đãi tín dụng.....	16
2.1.5. Thực trạng các quy định pháp luật về ưu đãi thuế.....	16
2.1.6. Thực trạng các hình thức hỗ trợ khác .....	17
2.2. Thực tiễn thi hành pháp luật hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo tại Việt Nam .....	19
<b>KẾT LUẬN CHƯƠNG 2.....</b>	<b>19</b>
<b>CHƯƠNG 3: ĐỀ XUẤT ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP KHỞI NGHIỆP SÁNG TẠO .....</b>	<b>21</b>
3.1. Định hướng pháp luật.....	21
3.1.1. Hỗ trợ đáp ứng hiệu quả nhu cầu của các DNKNST và đáp ứng nhu cầu của nền kinh tế công nghệ số.....	21
3.1.2. Xây dựng hình ảnh quốc gia khởi nghiệp trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế .....	21
3.2. Giải pháp hoàn thiện pháp luật .....	21
3.2.1. Xây dựng cơ chế kết hợp tài chính từ các ngân hàng với tài chính từ các quỹ đầu tư mạo hiểm có phần góp vốn từ ngân sách nhà nước nhằm đảm bảo duy trì thường xuyên nguồn vốn hỗ trợ cho doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo.....	21
3.2.2. Chỉ thu thuế TNDN sau khi doanh nghiệp đạt doanh thu ở một mức nhất định tạo điều kiện để DNKNST tập trung các nguồn lực cho việc nghiên cứu và phát triển sản phẩm. ....	22
3.2.3. Xây dựng quỹ đầu tư cho DNKNST ở cấp trung ương theo mô hình Fund of funds .....	22
3.2.4. Kết hợp biện pháp hỗ trợ trợ cấp với các biện pháp hỗ trợ khác..	22
3.2.5. Xác định cơ chế lựa chọn DNKNST nhận hỗ trợ từ chính phủ....	23
3.2.6. Phát triển các cơ sở hỗ trợ bằng việc ưu đãi vốn, mặt bằng, cơ sở hạ tầng, thuế, công nghệ cho các vườn ươm, khu làm việc chung.....	24
3.2.7. Cải cách thủ tục hành chính nhằm tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho DNKNST .....	24
<b>KẾT LUẬN CHƯƠNG 3.....</b>	<b>25</b>
<b>KẾT LUẬN CHUNG .....</b>	<b>25</b>
<b>DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....</b>	<b>27</b>

## PHẦN MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài

Với mục tiêu thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, tăng cường cạnh tranh, khuyến khích sáng tạo và phát triển công nghệ, tạo thêm công ăn việc làm và tăng nguồn thu cho ngân sách. Từ nhiều thập kỷ trước, chính phủ nhiều nước trên thế giới đã xác định vai trò quan trọng của khởi nghiệp sáng tạo, từ đó có các biện pháp để khuyến khích và thúc đẩy hoạt động khởi sự kinh doanh, với ưu tiên dành cho các hoạt động đầu tư – kinh doanh có yếu tố sáng tạo, sử dụng công nghệ, có hiệu quả kinh tế cao.

Các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo (DNKNST) đại diện cho mô hình kinh doanh mới, là động lực chính thúc đẩy phát triển kinh tế và tăng năng suất trong xã hội dựa trên tri thức và công nghệ. Đó là hình thức phù hợp nhất để thực hiện các phát minh, sáng kiến và đó là cơ chế tốt nhất để thương mại hóa các công nghệ mới, đưa các thành tựu khoa học kỹ thuật vào cuộc sống, đóng góp vào sự phát triển nhanh chóng của các công nghệ mới và vị trí mà chúng hoạt động.

Các DNKNST là các tổ chức kinh tế năng động nhất trên thị trường, chính nhóm này tạo thêm động lực và khả năng cạnh tranh cho hệ thống kinh tế trên cơ sở tận dụng thành tựu khoa học công nghệ của nhân loại, nắm bắt xu hướng phát triển mới dẫn đến vị thế của các công ty truyền thống bị đe dọa. Chính điều này đưa đến động lực cạnh tranh giữa các doanh nghiệp trong việc nắm bắt tri thức nhân loại và tận dụng khoa học công nghệ vào phát triển sản phẩm, dịch vụ.

Các DNKNST kết nối rất chặt chẽ với các tổ chức nghiên cứu khoa học. Nó thúc đẩy nghiên cứu và phát triển cũng như đổi mới cách tiếp cận của các tổ chức khoa học, công ty và các tổ chức kết nối, góp phần định hướng nghiên cứu tại các trường đại học và viện nghiên cứu. DNKNST cũng đóng vai trò quan trọng trong việc khuyến khích sinh viên và nhà nghiên cứu thực hiện ý tưởng của họ thông qua việc thành lập các DNKNST hoặc chia sẻ ý tưởng, hợp tác với các DNKNST.

Khởi nghiệp sáng tạo thay đổi giá trị của xã hội và mang đến tư duy mới, phù hợp với sự phát triển của xã hội tri thức dựa trên kiến thức và sáng tạo. Về lâu dài, các DNKNST sẽ là đầu tàu của nền kinh tế, tạo ra phần lớn công ăn việc làm mới và đóng góp vào tăng trưởng kinh tế thế giới. Các DNKNST dựa trên sự đổi mới, ứng dụng nền tảng khoa học kỹ thuật công nghệ mới là đại diện cốt lõi của nền kinh tế. Nếu các nước muốn tạo ra nhiều việc làm mới cho nền kinh tế trong dài hạn thì cần có chính sách khuyến khích tạo điều kiện để các DNKNST phát triển.

Tính đến năm 2016 Việt Nam có 800 DNKNST và năm 2017 đã tăng lên 3.000 với khoảng 60 quỹ đầu tư hỗ trợ. Đối với hệ sinh thái khởi nghiệp, hiện ở Việt Nam, số lượng quỹ đầu tư mạo hiểm cũng như các nhà đầu tư cá nhân đều có sự tăng trưởng cao. Hơn 40 quỹ đầu tư mạo hiểm đã có những hoạt động, điển hình là IDG Ventures, CyberAgent Ventures, Captii Ventures, Gobi Partners, 500 DNKNSTs... Cùng lúc, nhiều doanh nghiệp lớn của Việt Nam đã tham gia thành lập các quỹ đầu tư: Quỹ Sáng tạo CMC, FPT Ventures, Viettel Venture, hay Quỹ tăng tốc khởi nghiệp Việt Nam hoạt động với 4 nhà đầu tư chính là FPT, Dragon Capital Group, Tập đoàn Hanwha - Hàn Quốc và Công ty cổ phần chứng khoán BIDV. VP Bank cũng đã quyết định hỗ trợ hơn 1 tỷ USD cho hoạt động khởi nghiệp. Về tổ chức trung gian hỗ trợ khởi nghiệp, trong số 24 cơ sở ươm tạo và 10 tổ chức thúc đẩy kinh doanh, có một số tên tuổi tiêu biểu như Vườn ươm doanh nghiệp Công nghệ cao Hoà Lạc; Vườn ươm doanh nghiệp Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh; Vườn ươm Đà Nẵng; Trung tâm Hỗ trợ thanh niên khởi nghiệp; Vườn ươm doanh nghiệp công nghệ thông tin đổi mới sáng tạo Hà Nội... Ở khu vực tư nhân phải kể đến những cái tên như Vietnam Silicon Valley, Topica Founder Institute, VIISA... với việc gây dựng thành công một số doanh nghiệp điển hình như Lozi, Wisepass...

Tuy nhiên, ngược chiều với những chuyển động tích cực của khởi nghiệp trong hoạt động khởi nghiệp, tốc độ chuyển động của chính sách, đặc biệt là cải thiện môi trường pháp lý lại không đồng tốc với nhịp độ phát triển sôi động của làn sóng khởi nghiệp trong thời gian qua. Hành lang pháp lý liên quan đến doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo còn trống, vẫn chưa được hoàn thiện, những chính sách hỗ trợ cho các doanh nghiệp khởi nghiệp vốn được đề cập đến từ lâu vẫn còn nằm trên giấy.

Căn cứ vào những đóng góp quan trọng mà doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo mang lại và những khó khăn về mặt pháp luật và thực tiễn mà loại hình doanh nghiệp này đang gặp, tôi chọn đề tài “*Pháp luật về hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo*” làm luận văn thạc sĩ luật kinh tế của mình.

## **2. Tình hình nghiên cứu**

Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (Luật Hỗ trợ DNNVV) trong đó có nhóm doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo được Quốc hội thông qua tháng 6/2017 chính thức tạo cơ sở pháp lý cho việc hỗ trợ nhóm doanh nghiệp mới, chiếm vị trí đặc biệt quan trọng trong nền kinh tế thế giới, trong đó có Việt Nam.



Vì tính mới của loại hình doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, hệ thống pháp luật hỗ trợ vẫn đang trong giai đoạn xây dựng và từng bước hoàn thiện để hướng dẫn công tác quản lý của nhà nước và hỗ trợ cho loại hình doanh nghiệp mới này. Chính vì vậy chưa có nhiều bài viết, nghiên cứu về pháp luật hỗ trợ đối với loại hình doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo Việt Nam trong giai đoạn trước đây mà chủ yếu tập trung vào giai đoạn từ năm 2016 trở lại đây.

Một số bài viết, nghiên cứu có liên quan đến doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo và pháp luật về hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo đăng trên các tạp chí chuyên ngành trong thời gian qua:

- VCCI (2017). Báo cáo nghiên cứu cơ chế hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo. Kinh nghiệm quốc tế - Đề xuất giải pháp cho Việt Nam.<sup>1</sup>

Báo cáo được thực hiện với mục tiêu đánh giá hiện trạng và dự kiến chính sách đối với DNKNST Việt Nam, lựa chọn và phân tích kinh nghiệm hỗ trợ DNKNST của các Chính phủ nước ngoài, từ đó đề xuất mô hình, cơ chế hỗ trợ từ góc độ Nhà nước cho các DNKNST, trước hết là cho các Nghị định hướng dẫn Luật Hỗ trợ DNNVV về DNKNST và sau đó là các văn bản pháp luật, chính sách liên quan (các Thông tư, Nghị quyết, Quyết định, Đề án... của các cấp có thẩm quyền) liên quan tới nhóm doanh nghiệp đặc biệt này.

- Đặng Bảo Hà, Cục Thông tin KH&CN Quốc Gia (2015). Xây dựng và phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp: vai trò của chính sách chính phủ.<sup>2</sup>

Tác giả đã tổng hợp các tài liệu về tinh thần kinh doanh và hệ sinh thái khởi nghiệp của OECD và của một số nước có kinh nghiệm xây dựng thành công các hệ sinh thái khởi nghiệp, cung cấp khái niệm toàn diện, các đặc điểm và các thành phần của hệ sinh thái khởi nghiệp và vai trò của chính sách chính phủ trong việc phát triển thành công các hệ sinh thái khởi nghiệp.

- Trần Lương Sơn, Chu Thái Hòa (2016). Nhà nước và khởi nghiệp: Bài học kinh nghiệm đối với Việt Nam.<sup>3</sup>

Tác giả đã cung cấp thông tin một cách tổng quan về phong trào khởi nghiệp tại Việt Nam, chỉ ra các yếu tố cơ bản của khởi nghiệp kinh doanh, vai trò của Nhà nước trong lĩnh vực tài chính cho DNKNST,

---

<sup>1</sup> Báo cáo thường niên của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam - VCCI

<sup>2</sup> Tổng luận số 12 (2015) của Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia

<sup>3</sup><http://khampha.vn/khoa-hoc-cong-nghe/nha-nuoc-va-khoi-nghiep-bai-hoc-kinh-nghiem-doi-voi-viet-nam-c7a407302.html>

kinh nghiệm hỗ trợ khởi nghiệp của một số quốc gia trên thế giới và bài học cho Việt Nam.

- Lê Minh Hương (2017). Chính sách tài chính hỗ trợ DN khởi nghiệp: Kinh nghiệm một số nước và gợi ý cho Việt Nam<sup>4</sup>

Tác giả đã cung cấp thông tin đầy đủ về các biện pháp hỗ trợ DNKNST của một số nước trên thế giới bao gồm các chính sách ưu đãi về thuế, chính sách tín dụng, chính sách hỗ trợ gián tiếp thông qua mô hình vườn ươm và một số chính sách hỗ trợ khác. Từ đó tác giả đưa ra các khuyến nghị cho Việt Nam trong việc thực hiện các chính sách hỗ trợ DNKNST thông qua chính sách thuế, tín dụng và một số chính sách khác.

### **3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu**

#### **3.1. Mục đích nghiên cứu**

Luận văn muốn làm rõ những vấn đề lý luận cơ bản về pháp luật hỗ trợ DNKNST cũng như sự cần thiết phải ban hành các quy định về hỗ trợ DNKNST. Thực trạng pháp luật hỗ trợ DNKNST, thực tiễn thi hành tại Việt Nam và kinh nghiệm của một số nước trên thế giới. Dựa trên kết quả nghiên cứu, luận văn đưa ra định hướng và một số giải pháp nhằm góp phần hoàn thiện pháp luật hỗ trợ DNKNST, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa – hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

#### **3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu**

Để đạt được mục đích trên, luận văn cần làm rõ những nhiệm vụ cụ thể:

- Nghiên cứu làm rõ những vấn đề lý luận pháp luật hỗ trợ DNKNST và kinh nghiệm thực hiện tại một số nước.

- Phân tích, đánh giá thực trạng các quy định của pháp luật hỗ trợ DNKNST, thực tiễn thi hành pháp luật tại Việt Nam.

- Đề xuất định hướng và một số giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật về hỗ trợ DNKNST tại Việt Nam.

### **4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

#### **4.1. Đối tượng nghiên cứu:**

- Một số vấn đề lý luận về pháp luật hỗ trợ DNKNST;

- Nội dung pháp luật hỗ trợ DNKNST tại Việt Nam;

- Thực tiễn thi hành pháp luật hỗ trợ DNKNST tại Việt Nam, kinh nghiệm hỗ trợ DNKNST của một số nước trên thế giới và bài học cho Việt Nam.

#### **4.2. Phạm vi nghiên cứu:**

---

<sup>4</sup> Tạp chí Quản lý ngân quỹ quốc gia số 176 (2/2017)

- Về nội dung: Luận văn tập trung nghiên cứu các quy định của pháp luật hỗ trợ DNKNST, tập trung vào các vấn đề:

- + Hỗ trợ vốn;
- + Hỗ trợ tín dụng;
- + Hỗ trợ thuế;
- + Hỗ trợ khác (Sở hữu trí tuệ, chuyển giao khoa học công nghệ, cơ sở hạ tầng, giao thông,...).

- Thời gian nghiên cứu: Luận văn tập trung nghiên cứu các văn bản quy phạm pháp luật hỗ trợ DNKNST từ khi có Luật Hỗ trợ DNNVV năm 2017 đến nay.

### **5. Phương pháp nghiên cứu**

Để giải quyết các yêu cầu mà đề tài đặt ra, luận văn đã sử dụng các phương pháp nghiên cứu sau đây:

- Phương pháp luận duy vật biện chứng và duy vật lịch sử của triết học Mác – Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Nhà nước Pháp quyền xã hội chủ nghĩa;

- Đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước nói chung về xây dựng Nhà nước Pháp quyền nói chung, về chính sách pháp luật trong lĩnh vực hỗ trợ DNKNST nói riêng.

- Ngoài ra, luận văn còn sử dụng một số phương pháp nghiên cứu cụ thể sau:

- + Phương pháp phân tích, bình luận,... được sử dụng trong chương 1 tìm hiểu về một số vấn đề lý luận về hỗ trợ DNKNST và pháp luật hỗ trợ DNKNST;

- + Phương pháp đánh giá, diễn giải, đối chiếu...được sử dụng tại Chương 2 tìm hiểu về thực trạng pháp luật hỗ trợ DNKNST Việt Nam thực tiễn tại một số nước trên thế giới;

- + Phương pháp tổng hợp, quy nạp... được sử dụng tại chương 3 khi nghiên cứu, đề xuất định hướng, giải pháp hoàn thiện pháp luật hỗ trợ DNKNST.

### **6. Những đóng góp mới về khoa học và thực tiễn của luận văn**

Căn cứ vào kết quả nghiên cứu, luận văn đã có những đóng góp sau:

- Luận văn đã làm rõ một số vấn đề lý luận về hỗ trợ DNKNST, pháp luật hỗ trợ DNKNST. Trong đó, đã chỉ ra khái niệm DNKNST, sự khác nhau giữa doanh nghiệp khởi nghiệp và DNKNST. Việc xác định rõ thế nào là DNKNST sẽ giúp ích cho các nhà làm luật trong việc xây dựng và ban hành chính sách phù hợp với loại hình DNKNST.

- Luận văn đã xác định thực trạng các biện pháp hỗ trợ DNKNST mà nước ta đang áp dụng trên cơ sở nghiên cứu của tác giả, bao gồm: hỗ

trợ về vốn, hỗ trợ về tài chính, hỗ trợ về thuế và các loại hỗ trợ khác (sở hữu trí tuệ, chuyển giao khoa học công nghệ, cơ sở hạ tầng, hệ thống giao thông,...). Về phần thực tiễn pháp luật hỗ trợ DNKNST, luận văn chỉ tập trung vào một số tồn tại, hạn chế trong quá trình thực hiện mà tác giả tìm hiểu được.

- Luận văn đã tìm hiểu kinh nghiệm hỗ trợ DNKNST của một số nước tiêu biểu như Hoa Kỳ, Phần Lan, Ấn Độ, Singapore,... từ đó đưa ra bài học kinh nghiệm đối với Việt Nam.

- Luận văn đã đưa ra các đề xuất về định hướng và giải pháp hoàn thiện pháp luật hỗ trợ DNKNST trên cơ sở kết quả nghiên cứu. Trong đó về mặt định hướng, cần xác định chiến lược xây dựng Việt Nam trở thành quốc gia khởi nghiệp như các nước đã và đang làm bên cạnh việc xây dựng nền kinh tế dựa trên nền tảng phát triển khoa học kỹ thuật và công nghệ. Đối với đề xuất hoàn thiện pháp luật, tác giả tập trung vào vấn đề cơ chế xác định DNKNST nhận hỗ trợ nhằm mục đích tập trung nguồn lực của chính phủ, xác định các biện pháp hỗ trợ cụ thể, các biện pháp hỗ trợ phi tài chính,... nhằm hỗ trợ hiệu quả hơn cho DNKNST nói riêng và hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo nói chung.

## **7. Kết cấu của Luận văn**

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục các từ viết tắt và danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của luận văn gồm 03 chương:

Chương 1: Những vấn đề lý luận và pháp luật hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo.

Chương 2: Thực trạng pháp luật hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo và thực tiễn thi hành pháp luật tại Việt Nam.

Chương 3: Đề xuất định hướng và giải pháp hoàn thiện pháp luật hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo.

# **CHƯƠNG 1. NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ PHÁP LUẬT HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP KHỞI NGHIỆP SÁNG TẠO**

## **1.1. Khái niệm, đặc điểm và vai trò của doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo**

### ***1.1.1. Khái niệm doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo***

Để xây dựng và thực hiện các chính sách pháp luật hỗ trợ DNKNST, trước hết chúng ta cần hiểu thế nào là một DNKNST, bởi lẽ phải hiểu rõ thì mới có thể ban hành quy định pháp luật có tính khả thi để thực hiện chính sách hỗ trợ cũng như hỗ trợ đúng đối tượng.

Trong tiếng Anh, thuật ngữ DNKNST (startup) có hai nghĩa, tính từ phản ánh một trạng thái bắt đầu của một công việc kinh doanh hoặc một dự án, danh từ có nghĩa là một doanh nghiệp được thành lập để thực hiện ý tưởng trên cơ sở khai thác tài sản trí tuệ, công nghệ, mô hình kinh doanh mới và có khả năng tăng trưởng nhanh. DNKNST là thuật ngữ chỉ về những công ty đang trong giai đoạn bắt đầu kinh doanh nói chung, nó thường được dùng với nghĩa hẹp chỉ các công ty công nghệ trong giai đoạn đầu thành lập.

Ở góc độ pháp lý, Luật Hỗ trợ DNNVV năm 2017 định nghĩa<sup>5</sup>: Doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo là doanh nghiệp nhỏ và vừa được thành lập để thực hiện ý tưởng trên cơ sở khai thác tài sản trí tuệ, công nghệ, mô hình kinh doanh mới và có khả năng tăng trưởng nhanh.

Nếu bỏ qua yếu tố nhỏ và vừa thì DNKNST theo Luật Hỗ trợ DNNVV năm 2017 được xác định trên cơ sở 03 tiêu chí:

- Thứ nhất, về tư cách pháp lý: Phải là doanh nghiệp;
- Thứ hai, về hoạt động: Phải dựa trên khai thác tài sản trí tuệ, công nghệ hoặc mô hình kinh doanh mới;
- Thứ ba, về triển vọng: Có khả năng tăng trưởng nhanh.

#### ***1.1.2. Đặc điểm của doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo***

- Thứ nhất, tính đột phá: DNKNST tạo ra những thứ chưa hề có trên thị trường hoặc tạo ra một giá trị tốt hơn so với những thứ đang có sẵn, chẳng hạn có thể tạo ra một phân khúc mới trong sản xuất như thiết bị thông minh đo lường sức khỏe cá nhân, hay một mô hình kinh doanh hoàn toàn mới như taxi công nghệ, hoặc một loại công nghệ độc đáo, chưa hề có trên thị trường như công nghệ in 3D;

- Thứ hai, mục tiêu tăng trưởng: Đối với DNKNST, tăng trưởng là một điều kiện bắt buộc, là vấn đề sống còn. DNKNST cũng giống như những đứa trẻ, cần phải lớn lên một cách nhanh chóng. Tăng trưởng có thể hiểu là phát triển quy mô dự án lớn hơn, nhiều nhân sự hơn, mở rộng thị trường hơn và thu hút được nhiều tiền đầu tư hơn. Cũng chính vì mục tiêu tăng trưởng nên các DNKNST thường năng động, sáng tạo và linh hoạt hơn so với những công ty truyền thống;

- Thứ ba, vốn đầu tư: DNKNST bắt đầu từ chính tiền túi của người sáng lập, hoặc đóng góp từ gia đình và bạn bè. Một số trường hợp thì gọi vốn từ cộng đồng. Tuy nhiên, phần lớn các DNKNST đều phải gạn vốn từ các nhà đầu tư thiên thần và quỹ đầu tư mạo hiểm qua nhiều vòng gọi

---

<sup>5</sup> Khoản 2 Điều 3 Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2017

vốn khác nhau. Công nghệ thường là đặc tính tiêu biểu của sản phẩm từ một DNKNST. Dù vậy, ngay cả khi sản phẩm không dựa nhiều vào công nghệ, thì DNKNST cũng cần áp dụng công nghệ để đạt được mục tiêu kinh doanh cũng như tham vọng tăng trưởng;

- Thứ tư, mô hình kinh doanh: DNKNST vẫn đang trong quá trình đi tìm những mô hình kinh doanh thực sự phù hợp với thị trường. Mục tiêu tối thượng của DNKNST không phải là doanh số như những công ty truyền thống khác mà là tìm ra được một mô hình kinh doanh và quy trình làm việc hiệu quả nhất. Để làm được điều này, DNKNST phải không ngừng thử nghiệm, cải tiến và thực hiện những cách làm mới. Việc có được một mô hình kinh doanh tốt là được xem là vấn đề sống còn, bởi nhà đầu tư sẽ xem xét rất kỹ cách kiếm tiền, vận hành công ty của những DNKNST trước khi quyết định đầu tư vào một dự án mà họ tin tưởng sẽ đem lại lợi nhuận trong tương lai;

- Thứ năm, cách tiếp cận với rủi ro: DNKNST được xây dựng để sẵn sàng đối diện và giải quyết những khó khăn, rủi ro gặp phải. Đây là cách để những DNKNST trưởng thành hơn và học được nhiều bài học quý báu. Việc tìm ra được mô hình kinh doanh hiệu quả cũng đến từ cách mà khởi nghiệp giải quyết những rủi ro trong quá trình phát triển;

### ***1.1.3. Vai trò của doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo***

- Thứ nhất, DNKNST đại diện cho mô hình kinh doanh mới, là động lực chính thúc đẩy phát triển kinh tế và tăng năng suất trong xã hội dựa trên tri thức và công nghệ. Đó là hình thức phù hợp nhất để thực hiện các phát minh, sáng kiến và đó là cơ chế tốt nhất để thương mại hóa các công nghệ mới, đưa các thành tựu khoa học kỹ thuật vào cuộc sống, đóng góp vào sự phát triển nhanh chóng của các công nghệ mới và vị trí mà chúng hoạt động.

- Thứ hai, DNKNST là các tổ chức kinh tế năng động nhất trên thị trường, chính nhóm này tạo thêm động lực và khả năng cạnh tranh cho hệ thống kinh tế trên cơ sở tận dụng thành tựu khoa học công nghệ của nhân loại, nắm bắt xu hướng phát triển mới dẫn đến vị thế của các công ty truyền thống bị đe dọa. Chính điều này đưa đến động lực cạnh tranh giữa các doanh nghiệp trong việc nắm bắt tri thức nhân loại và tận dụng khoa học công nghệ vào phát triển sản phẩm, dịch vụ.

- Thứ ba, DNKNST kết nối rất chặt chẽ với các tổ chức nghiên cứu khoa học. Nó thúc đẩy nghiên cứu và phát triển cũng như đổi mới cách tiếp cận của các tổ chức khoa học, công ty và các tổ chức kết nối, góp phần định hướng nghiên cứu tại các trường đại học và viện nghiên cứu. Nó cũng đóng vai trò quan trọng trong việc khuyến khích sinh viên và

các nhà nghiên cứu thực hiện ý tưởng của họ thông qua việc thành lập các DNKNST hoặc chia sẻ ý tưởng, hợp tác với các DNKNST.

## **1.2. Khái niệm và vai trò hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo**

### ***1.2.1. Khái niệm hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo***

Hỗ trợ DNKNST là tổng thể các biện pháp bao gồm tài chính và phi tài chính nhằm giúp DNKNST thành lập doanh nghiệp, quản trị doanh nghiệp, đào tạo nhân lực, nghiên cứu, phát triển ý tưởng, sản phẩm, tham gia thị trường và phát triển thị trường, trở thành những doanh nghiệp thực thụ, mang lại doanh thu cho chủ sở hữu và các nhà đầu tư.

### ***1.2.2. Vai trò của việc hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo***

Mặc dù có tiềm năng đóng góp lớn cho sự phát triển kinh tế của mỗi quốc gia, tuy nhiên lại có những trở ngại lớn ảnh hưởng đến sự phát triển của các DNKNST, bao gồm:

- Thứ nhất, trong mọi hoạt động kinh doanh đều cần đến vốn và DNKNST không phải là ngoại lệ, DNKNST cần một lượng vốn lớn do đặc điểm kinh doanh gắn với công nghệ hoặc mô hình kinh doanh mới.

- Thứ hai, DNKNST được thành lập từ một ý tưởng kinh doanh sáng tạo – một ý tưởng mới chưa từng có tiền lệ – bởi vậy, nó mới ở dạng tiềm năng, cần đầu tư thêm nhiều chất xám và công sức để hoàn thiện và hiện thực hóa ý tưởng đó.

- Thứ ba, cũng do tính mới, tính sáng tạo nên DNKNST thường đối mặt với những rủi ro tiềm ẩn, cần có sự hỗ trợ để vượt qua những rủi ro này.

## **1.3. Pháp luật hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo**

### ***1.3.1. Khái niệm pháp luật hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo***

Pháp luật hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo với tính chất là các quy định, cơ chế, chính sách và cách thức can thiệp từ góc độ nhà nước để hỗ trợ cho các DNKNST và qua đó thúc đẩy sự phát triển của các DNKNST.

Các biện pháp hỗ trợ mà Chính phủ các nước thực hiện đều tập trung vào việc giúp giải quyết các khó khăn của DNKNST đồng thời tạo điều kiện thuận lợi để DNKNST phát triển trên cơ sở điều kiện kinh tế xã hội, nguồn lực thế mạnh của mỗi quốc gia.

Thứ nhất, xây dựng pháp luật hỗ trợ về vốn.

Thứ hai, xây dựng pháp luật hỗ trợ về tín dụng.

Thứ ba, xây dựng pháp luật hỗ trợ về thuế.

Thứ tư, xây dựng pháp luật hỗ trợ các lĩnh vực khác.

### **1.3.2. Nội dung pháp luật về hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo**

#### **1.3.2.1. Điều kiện để được nhận hỗ trợ**

Nguồn lực của Nhà nước là có giới hạn, chính vì vậy việc xác định các điều kiện để DNKNST nhận được sự hỗ trợ trực tiếp của Nhà nước thông qua các hỗ trợ về tín dụng, hỗ trợ về thuế, hỗ trợ về cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất hoặc hỗ trợ gián tiếp thông qua các chính sách hỗ trợ về vốn là hết sức quan trọng. Xác định điều kiện để DNKNST nhận được hỗ trợ sẽ giúp nguồn lực được tập trung và dành cho đúng đối tượng, tránh dàn trải và thiếu hiệu quả.

Điều kiện để DNKNST được nhận hỗ trợ tập trung vào các vấn đề sau:

- Thứ nhất, quy mô DNKNST. Nguồn lực hỗ trợ là có giới hạn, chính vì vậy, quy mô DNKNST không quá lớn mới được nhận các hỗ trợ về vốn, nhằm đảm bảo các DNKNST nhỏ có cơ hội nhận được sự hỗ trợ đầy đủ trong thời gian đầu thành lập. Tất nhiên, các hỗ trợ khác không tốn quá nhiều nguồn lực vẫn áp dụng cho các DNKNST, không phân biệt quy mô.

- Thứ hai, chưa chào bán chứng khoán. Các DNKNST khi chào bán chứng khoán ra thị trường thì cơ bản đã trở thành một công ty có quy mô, có giá trị thương hiệu nên sẽ không nhận được sự hỗ trợ một số nguồn lực.

- Thứ ba, thời gian thành lập không quá 5 năm. Việc quy định thời gian nhận hỗ trợ sẽ giúp các DNKNST không ngừng hoàn thiện, tránh tình trạng ỷ lại vào các nguồn lực của nhà nước mà không chịu trưởng thành.

#### **1.3.2.2. Các hỗ trợ về vốn**

Các hỗ trợ về vốn tập trung vào việc xây dựng hành lang pháp lý, cơ chế hỗ trợ cho các quỹ đầu tư mạo hiểm, quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo, các nhà đầu tư thiên thần, đầu tư mạo hiểm nhằm khuyến khích việc tham gia đầu tư vốn của các nhà đầu tư trong và ngoài nước thông qua việc góp vốn vào các quỹ đầu tư, rót vốn vào các DNKNST hoặc mua lại tỉ lệ sở hữu các DNKNST trong giai đoạn đầu, cũng như các vòng kêu gọi góp vốn của DNKNST.

Như vậy, các DNKNST sẽ được hỗ trợ vốn từ ngân sách nhà nước và từ các tổ chức, nhà đầu tư tư nhân.

#### **1.3.2.3. Các hỗ trợ về tín dụng**

Hỗ trợ tín dụng đối với DNKNST bao gồm: Các ưu đãi tín dụng, hỗ trợ lãi suất, bảo lãnh vay vốn từ các tổ chức tín dụng thông qua ngân



hàng chính sách xã hội, các quỹ đổi mới công nghệ quốc gia, quỹ phát triển khoa học và công nghệ quốc gia, quỹ hỗ trợ DNNVV được áp dụng đối với các DNKNST đáp ứng điều kiện là DNNVV, hoặc đáp ứng được các tiêu chí đối với DN đổi mới sáng tạo.

Các hỗ trợ tín dụng đến từ hai nguồn chính:

Thứ nhất, hỗ trợ tín dụng từ các ngân hàng thương mại thông qua các gói tín dụng ưu đãi cho doanh nghiệp, bao gồm cả ưu đãi về lãi suất vay và thời gian vay.

Thứ hai, hỗ trợ tín dụng từ các quỹ bảo lãnh tín dụng thông qua việc bảo lãnh các gói tín dụng mà doanh nghiệp vay từ các ngân hàng thương mại.

#### *1.3.2.4. Các ưu đãi về thuế*

Ưu đãi thuế (UĐT) được hiểu là hình thức mà một quốc gia, một vùng Các hình thức ưu đãi thuế bao gồm:

- Thứ nhất, sử dụng thuế suất tiêu chuẩn thấp;
- Thứ hai, thuế suất ưu đãi;
- Thứ ba, miễn toàn bộ hoặc một phần thuế TNDN;
- Thứ tư, giảm thuế suất thuế TNDN đối với các nhóm lợi nhuận mục tiêu;
- Thứ năm, chiết khấu đầu tư và tín dụng thuế;
- Thứ sáu, khấu hao nhanh;
- Thứ bảy, khấu trừ thuế;
- Thứ tám, ưu đãi thuế gián tiếp;
- Thứ chín, miễn giảm thuế nhập khẩu và thuế GTGT;
- Thứ mười, cơ chế kích hoạt;
- Thứ mười một, giảm gánh nặng lỗ.

#### *1.3.2.5. Các hình thức hỗ trợ khác*

Các hình thức hỗ trợ khác bao gồm cơ sở vật chất, hạ tầng giao thông, chuyển giao khoa học công nghệ, đào tạo nhân lực, sở hữu trí tuệ... thông qua việc hỗ trợ phát triển hệ thống vườn ươm công nghệ, các khu làm việc, nghiên cứu chung, tổ chức các khóa đào tạo nhằm tạo điều kiện ban đầu để các DNKNST có đủ phương tiện, thiết bị, hạ tầng để thực hiện dự án của mình với chi phí hợp lý nhất. Đây được đánh giá là biện pháp hiệu quả không kém bên cạnh việc hỗ trợ, vốn, tín dụng và thuế cho các DNKNST.

### **1.4. Kinh nghiệm hỗ trợ ở một số nước và bài học cho Việt Nam**

#### ***1.4.1. Kinh nghiệm hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo ở một số nước***

Do tầm quan trọng và vai trò đặc thù của DNKNST trong phát triển kinh tế, các quốc gia đều có xu hướng hình thành và xây dựng các qui định pháp lý hỗ trợ DNKNST phát triển. Nhiều nước đã luật hóa vấn đề này để đảm bảo tính thực thi đạt được hiệu quả và thể hiện mối quan tâm phát triển DNKNST.

#### ***1.4.2. Bài học kinh nghiệm cho Việt Nam hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo***

Qua thực tiễn pháp luật hỗ trợ khởi nghiệp ở một số quốc gia, có thể nhận thấy, yếu tố quan trọng hàng đầu dẫn đến thành công chính là tinh thần kinh doanh, khởi nghiệp của chính chính phủ các nước, của bộ máy nhà nước với tinh thần phụng sự quốc gia.

Nhiệm vụ quan trọng của mỗi chính phủ chính là xây dựng chính sách, pháp luật để hỗ trợ doanh nghiệp, phát triển kinh tế. Nhưng sứ mệnh của một chính phủ không chỉ dừng lại ở đó. Chính sách và pháp luật cần phải được thực thi bởi những chương trình cụ thể, những con số rõ ràng, trong đó việc cam kết về tài chính là sự thể hiện cao nhất tinh thần trách nhiệm của một chính phủ trong hỗ trợ doanh nghiệp nói chung và doanh nghiệp khởi nghiệp nói riêng.

## **KẾT LUẬN CHƯƠNG 1**

Từ những vấn đề lý luận về pháp luật hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, luận văn đã tập trung giải quyết được một số vấn đề như sau:

- Thứ nhất, luận văn đã làm rõ khái niệm, đặc điểm và vai trò của doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo. Việc hiểu đúng và đầy đủ về doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo sẽ giúp ích cho các cơ quan nhà nước trong việc xây dựng chính sách dành cho loại hình doanh nghiệp này, hạn chế tình trạng lãng phí nguồn lực do hỗ trợ không đúng đối tượng.

- Thứ hai, luận văn đã làm rõ khái niệm hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo và vai trò của việc hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo. Việc xác định được khái niệm và vai trò của việc hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo sẽ giúp xây dựng các quy định, chính sách pháp luật nhằm hỗ trợ hiệu quả, đáp ứng yêu cầu thực tiễn.

- Thứ ba, luận văn đã xác định nội dung pháp luật hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo bao gồm các vấn đề hỗ trợ về vốn, hỗ trợ tín dụng, hỗ trợ thuế và các hỗ trợ khác (sở hữu trí tuệ, chuyển giao khoa học công nghệ, phát triển cơ sở hạ tầng vườn ươm, khu làm việc

chung,...). Việc xác định nội dung pháp luật hỗ trợ sẽ giúp ích cho việc nhận diện thực trạng hiện có và thực tiễn thi hành pháp luật hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo.

- Thứ tư, luận văn đã tham khảo kinh nghiệm hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo của một số quốc gia tiêu biểu từ đó đưa ra bài học cho Việt Nam trong vấn đề xây dựng pháp luật hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo.

## **CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP KHỞI NGHIỆP SÁNG TẠO VÀ THỰC TIỄN THI HÀNH TẠI VIỆT NAM**

### **2.1. Thực trạng pháp luật hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo ở Việt Nam.**

#### **2.1.1. Tổng quan pháp luật hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo**

Các văn bản, quy định pháp luật về hỗ trợ khuyến khích các DNKNST mới được xây dựng và ban hành trong một vài năm gần đây tại Việt Nam. Các văn bản pháp luật chính thức bao gồm:

- Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2017 (số 04/2017/QH14);

- Nghị định về việc thành lập, tổ chức và hoạt động của quỹ bảo lãnh tín dụng cho DNNVV (số 34/2018/NĐ-CP);

- Nghị định quy định chi tiết về đầu tư cho DNNVV khởi nghiệp sáng tạo (số 38/2018/NĐ-CP);

- Nghị định hướng dẫn quy định chi tiết một số điều của Luật Hỗ trợ DNNVV (số 39/2018/NĐ-CP);

Trước đó, một số cơ chế, chính sách, đã được Thủ tướng Chính phủ và các bộ ngành ban hành nhằm cụ thể hóa các quy định liên quan đến hỗ trợ phát triển các DNKNST, cụ thể:

#### **2.1.2. Thực trạng pháp luật về điều kiện để DNKNST được nhận hỗ trợ**

- Luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa quy định các điều kiện để DNKNST nhận hỗ trợ. Theo đó, nếu DNKNST đáp ứng 2 tiêu chí sau sẽ nhận được sự hỗ trợ theo quy định, bao gồm<sup>6</sup>:

1. Có thời hạn không quá 5 năm kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký DN lần đầu;

2. Chưa chào bán chứng khoán ra công chúng.

#### **2.1.3. Thực trạng pháp luật quy định về hỗ trợ vốn**

- Luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2017 quy định về hỗ trợ, đầu tư vốn cho DNKNST như sau<sup>7</sup>:

1. Nhà đầu tư cho doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo bao gồm quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo, tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài thực hiện hoạt động kinh doanh thông qua việc góp vốn

<sup>6</sup> Điều 17 Luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa

<sup>7</sup> Điều 18 Luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2017

thành lập, mua cổ phần, phần vốn góp của doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo.

2. Quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo được hình thành từ vốn góp của các nhà đầu tư tư nhân để đầu tư vào doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo theo các nguyên tắc sau đây:

a) Đầu tư vào doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo không quá 50% vốn điều lệ của doanh nghiệp sau khi nhận đầu tư;

b) Nhà đầu tư tư nhân góp vốn vào quỹ phải có điều kiện tài chính và chịu trách nhiệm về vốn góp của mình.

3. Căn cứ vào điều kiện ngân sách địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định giao cho tổ chức tài chính nhà nước của địa phương thực hiện đầu tư vào doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo theo các nguyên tắc sau đây:

a) Lựa chọn các quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo đủ điều kiện để cùng đầu tư vào doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo;

b) Khoản vốn đầu tư từ ngân sách địa phương không quá 30% tổng vốn đầu tư mà doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo huy động được từ các quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo được lựa chọn;

c) Tiến hành chuyển nhượng vốn đầu tư cho nhà đầu tư tư nhân trong thời hạn 05 năm kể từ thời điểm góp vốn đầu tư. Việc chuyển nhượng vốn đầu tư được thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp.

4. Doanh nghiệp được sử dụng quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp để đầu tư khởi nghiệp sáng tạo theo quy định tại Luật Chuyển giao công nghệ và Nghị định này. Doanh nghiệp nhà nước thực hiện hoạt động đầu tư khởi nghiệp sáng tạo theo quy định về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp và pháp luật có liên quan.

- Đối với Quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo, Nghị định 38/2018/NĐ-CP quy định<sup>8</sup>:

1. Quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo không có tư cách pháp nhân, do tối đa 30 nhà đầu tư góp vốn thành lập trên cơ sở điều lệ quỹ. Quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo không được góp vốn vào quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo khác.

2. Tài sản góp vốn có thể bằng Đồng Việt Nam, vàng, giá trị quyền sử dụng đất và các tài sản khác có thể định giá được bằng Đồng Việt

---

<sup>8</sup> Điều 5 Nghị định 38/2018/NĐ-CP

Nam. Nhà đầu tư không được sử dụng vốn vay để góp vốn thành lập quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo.

3. Danh mục và hoạt động đầu tư của quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo bao gồm:

a) Gửi tiền tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật;

b) Đầu tư không quá 50% vốn điều lệ của doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo sau khi nhận đầu tư.

4. Toàn bộ số vốn góp và tài sản của các nhà đầu tư tại quỹ phải được hạch toán độc lập với công ty thực hiện quản lý quỹ.

5. Các nhà đầu tư góp vốn thành lập quỹ tự thỏa thuận về thẩm quyền quyết định danh mục đầu tư và nội dung này phải được quy định tại điều lệ quỹ và hợp đồng với công ty thực hiện quản lý quỹ (nếu có).

#### ***2.1.4. Thực trạng pháp luật quy định về ưu đãi tín dụng***

Một trong những nguyên tắc hoạt động của các tổ chức tín dụng là phải ngăn ngừa và kiểm soát rủi ro trong hoạt động cấp tín dụng. Thông thường các điều kiện là khách hàng vay phải có năng lực tài chính tốt, dự án vay vốn khả thi và có tài sản bảo đảm. Trong khi đó, các DNKNST thường quá trẻ, quá nhỏ và quá nhiều rủi ro để tạo niềm tin cho các tổ chức tài chính.

Trước thực trạng nêu trên, Chính phủ đã ban hành Nghị định về việc thành lập, tổ chức và hoạt động của quỹ bảo lãnh tín dụng cho DNNVV - số 34/2018/NĐ-CP. Nghị định đã hướng dẫn chi tiết về vấn đề bảo lãnh tín dụng của quỹ bảo lãnh tín dụng đối với các khoản vay của DNNVV trong đó có DNKNST, tạo điều kiện để doanh nghiệp tiếp cận với các gói tín dụng ưu đãi từ các tổ chức tài chính.

Trước thời điểm ban hành Luật Hỗ trợ DNNVV và các Nghị định hướng dẫn, Chính phủ và các bộ ngành liên quan đã ban hành nhiều Nghị định và Thông tư hướng dẫn liên quan đến việc ưu đãi tín dụng cho doanh nghiệp, bao gồm:

#### ***2.1.5. Thực trạng các quy định pháp luật về ưu đãi thuế***

Do tính chất mới của DNKNST nên hiện tại pháp luật về thuế vẫn chưa có những nội dung liên quan đến việc ưu đãi thuế đối với loại hình doanh nghiệp này. Tuy nhiên, DNKNST là một trong ba nhóm đặc thù của DNNVV nên có thể áp dụng các ưu đãi thuế được quy định tại Luật thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng chung cho các loại hình doanh nghiệp hiện có theo Luật Doanh nghiệp 2014.

- Luật thuế TNDN quy định về vấn đề ưu đãi lãi suất cho các doanh nghiệp, theo đó, áp dụng thuế suất 10% trong thời gian mười lăm năm đối với<sup>9</sup>:

a) Thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư mới tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, khu kinh tế, khu công nghệ cao;

b) Thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư mới, bao gồm: nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; ứng dụng công nghệ cao thuộc danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển theo quy định của Luật Công nghệ cao; ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao; đầu tư mạo hiểm cho phát triển công nghệ cao thuộc danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển theo quy định của Luật Công nghệ cao; đầu tư xây dựng - kinh doanh cơ sở ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao; đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng đặc biệt quan trọng của Nhà nước theo quy định của pháp luật; sản xuất sản phẩm phần mềm; sản xuất vật liệu composit, các loại vật liệu xây dựng nhẹ, vật liệu quý hiếm; sản xuất năng lượng tái tạo, năng lượng sạch, năng lượng từ việc tiêu hủy chất thải; phát triển công nghệ sinh học; bảo vệ môi trường;

c) Thu nhập của doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo quy định của Luật Công nghệ cao;

- Luật thuế TNDN quy định vấn đề ưu đãi về thời gian miễn thuế, giảm thuế cho doanh nghiệp, cụ thể:<sup>10</sup>

### ***2.1.6. Thực trạng các hình thức hỗ trợ khác***

Theo Luật Hỗ trợ DNNVV năm 2017, các DNKNST đáp ứng các tiêu chí liên quan có thể được hưởng hỗ trợ thuộc các nhóm biện pháp sau:

a. Nhóm các hỗ trợ dành riêng cho DNKNST (06 biện pháp)<sup>11</sup>:

b. Nhóm các hỗ trợ chung cho các DNNVV, trong đó có các DNKNST đáp ứng điều kiện (07 biện pháp)<sup>12</sup>:

b) Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn về xây dựng và thực hiện chính sách, chiến lược hoạt động sở hữu trí tuệ;

c) Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn về thiết kế, đăng ký bảo hộ, khai thác và phát triển giá trị của nhãn hiệu, kiểu dáng công nghiệp, sáng chế;

<sup>9</sup> Khoản 1, Điều 3 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, sửa đổi và bổ sung một số điều năm 2013

<sup>10</sup> Điều 14 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, sửa đổi và bổ sung một số điều năm 2013

<sup>11</sup> Khoản 2, Điều 17 Luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2017

<sup>12</sup> Điều 8 đến điều 15 Luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2017

d) Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn về xây dựng và phát triển tài sản trí tuệ đối với chỉ dẫn địa lý.

2. Hỗ trợ thực hiện các thủ tục về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đo lường, chất lượng; thử nghiệm, hoàn thiện sản phẩm mới, mô hình kinh doanh mới:

a) Cung cấp thông tin miễn phí về hệ thống các tiêu chuẩn, quy chuẩn trong nước và quốc tế thuộc lĩnh vực sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo;

b) Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn để doanh nghiệp xây dựng tiêu chuẩn cơ sở;

c) Giảm 50% phí thử nghiệm mẫu phương tiện đo; giảm 50% phí kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường; giảm 50% chi phí cấp dấu định lượng của hàng đóng gói sẵn phù hợp với yêu cầu kỹ thuật đo lường nhưng không quá 10 triệu đồng trên một lần thử và không quá 01 lần trên năm;

d) Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn để doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo tự tổ chức đo lường;

đ) Giảm 50% phí thử nghiệm về chất lượng hàng hoá tại hệ thống thử nghiệm thuộc cơ quan quản lý nhà nước nhưng không quá 10 triệu đồng trên một lần thử và không quá 01 lần trên năm.

3. Hỗ trợ về ứng dụng, chuyên giao công nghệ

Hỗ trợ 50% chi phí hợp đồng ứng dụng công nghệ cao, hợp đồng chuyên giao công nghệ nhưng không quá 100 triệu đồng trên một hợp đồng và không quá một hợp đồng mỗi năm.

4. Hỗ trợ về đào tạo, thông tin, xúc tiến thương mại, thương mại hóa:

a) Hỗ trợ 50% chi phí đào tạo chuyên sâu về các nội dung sau: Xây dựng, phát triển sản phẩm; thương mại hóa sản phẩm; gọi vốn đầu tư; phát triển thị trường; kết nối mạng lưới khởi nghiệp với các tổ chức, cá nhân nghiên cứu khoa học. Chi phí hỗ trợ không quá 20 triệu đồng trên một khoá đào tạo và không quá 01 khoá đào tạo trên năm;

b) Miễn phí tra cứu, khai thác, cung cấp thông tin, cơ sở dữ liệu về sáng chế, thông tin công nghệ, kết quả nghiên cứu;

c) Hỗ trợ 100% chi phí gian hàng tại Hội trợ triển lãm xúc tiến thương mại trong nước và quốc tế; được ưu tiên tham gia Chương trình xúc tiến thương mại có sử dụng ngân sách nhà nước;

d) Miễn phí cung cấp thông tin, truyền thông về kết nối mạng lưới khởi nghiệp sáng tạo, thu hút đầu tư từ các quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo.



5. Hỗ trợ sử dụng cơ sở kỹ thuật, cơ sở ươm tạo, khu làm việc chung:

a) Hỗ trợ 100% chi phí sử dụng trang thiết bị tại các cơ sở kỹ thuật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa;

b) Hỗ trợ 50% nhưng không vượt quá 5 triệu đồng/tháng/doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo phí tham gia các cơ sở ươm tạo, khu làm việc chung dành cho doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo.

6. Hỗ trợ đào tạo khởi sự kinh doanh và quản trị kinh doanh.

a) Ngân sách nhà nước hỗ trợ tối thiểu 50% tổng chi phí của một khóa đào tạo về khởi sự kinh doanh và quản trị doanh nghiệp cho doanh nghiệp nhỏ và vừa;

b) Học viên của doanh nghiệp nhỏ và vừa thuộc địa bàn kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, doanh nghiệp nhỏ và vừa do nữ làm chủ được miễn học phí tham gia khóa đào tạo.

## **2.2. Thực tiễn thi hành pháp luật hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo tại Việt Nam**

Pháp luật khi áp dụng vào thực tiễn đều đạt được những kết quả nhất định, tuy nhiên, trong nghiên cứu này, tác giả tập trung vào những tồn tại, hạn chế của pháp luật hỗ trợ DNKNST để từ đó đưa ra các giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật. Chính vì vậy, tác giả không đi sâu vào việc phân tích những kết quả đạt được mà chỉ tập trung phân tích những tồn tại, hạn chế của pháp luật hỗ trợ DNKNST trong thời gian qua trên một vài phương diện quan trọng, cụ thể:

### **KẾT LUẬN CHƯƠNG 2**

Nghiên cứu thực trạng pháp luật hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo và thực tiễn thi hành tại Việt Nam, luận văn đạt được một số kết quả như sau:

- Thứ nhất, luận văn tập trung tổng hợp thực trạng pháp luật hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo ở Việt Nam trên 4 khía cạnh: hỗ trợ về vốn, hỗ trợ về tín dụng, hỗ trợ về thuế và các hỗ trợ khác.

- Thứ hai, đối với thực tiễn thi hành, luận văn tập trung đánh giá những hạn chế, tồn tại trong việc thi hành pháp luật hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, làm tiền đề cho việc đề xuất giải pháp hoàn thiện pháp luật trong chương 3.



## **CHƯƠNG 3: ĐỀ XUẤT ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP KHỞI NGHIỆP SÁNG TẠO**

### **3.1. Định hướng pháp luật**

#### ***3.1.1. Hỗ trợ đáp ứng hiệu quả nhu cầu của các DNKNST và đáp ứng nhu cầu của nền kinh tế công nghệ số***

Pháp luật hỗ trợ DNKNST phải đáp ứng tốt và hiệu quả nhu cầu của các DNKNST, chỉ có như vậy, DNKNST Việt Nam mới có cơ hội phát triển. Như đã nói ở trên, chỉ khi nào các cơ quan nhà nước, người làm chính sách hiểu đúng bản chất của DNKNST thì mới xây dựng được pháp luật hỗ trợ cho DNKNST đúng trọng tâm và đúng thứ mà DNKNST đang cần và chỉ khi DNKNST được hỗ trợ về vốn, về tín dụng, công nghệ, được bảo vệ bằng pháp luật sở hữu trí tuệ thì DNKNST mới thành công và phát triển.

Trong kỷ nguyên của công nghệ số, của cuộc cách mạng khoa học công nghệ kỹ thuật lần thứ 4 (cuộc cách mạng 4.0) thì việc hỗ trợ cho các DNKNST phát triển, tạo ra các sản phẩm có giá trị, vươn tầm thế giới, đóng góp vào sự phát triển chung của nhân loại chính là cách để Việt Nam gia nhập nền kinh tế công nghệ số, điều mà thế giới hướng đến suốt nhiều thập kỷ qua.

#### ***3.1.2. Xây dựng hình ảnh quốc gia khởi nghiệp trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế***

Các chương trình tuyên truyền, vận động khởi nghiệp sáng tạo cần kết hợp với việc xây dựng hình ảnh quốc gia Việt Nam khởi nghiệp. Chúng ta không chỉ hướng đến việc có nhiều DNKNST thành công mà chúng ta cần hướng đến việc trở thành một quốc gia khởi nghiệp thành công giống như một số nước đã làm.

Việc xây dựng hình tượng quốc gia khởi nghiệp sẽ giúp thúc đẩy tinh thần khởi nghiệp của mọi giới trong xã hội, không chỉ thành phần tinh hoa xã hội mà cả những thành phần lao động khác. Họ đóng góp cho khởi nghiệp sáng tạo trên nhiều phương diện khác nhau nhưng cùng hướng đến việc Việt Nam sẽ có nhiều doanh nghiệp khởi nghiệp tầm quốc tế và Việt Nam sẽ trở thành quốc gia khởi nghiệp tiếp theo trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế.

### **3.2. Giải pháp hoàn thiện pháp luật**

#### ***3.2.1. Xây dựng cơ chế kết hợp tài chính từ các ngân hàng với tài chính từ các quỹ đầu tư mạo hiểm có phần góp vốn từ ngân sách nhà***

***nước nhằm đảm bảo duy trì thường xuyên nguồn vốn hỗ trợ cho doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo.***

Để DNKNST nói riêng và hệ sinh thái khởi nghiệp nói chung phát triển mạnh và bền vững, Nhà nước cần nhanh chóng xây dựng các chính sách và quy định pháp luật phù hợp, đồng thời có những chương trình cụ thể giúp hình thành và phát triển những doanh nghiệp khởi nghiệp mới, trong đó, việc quan trọng nhất là thiết lập các cơ chế tài chính để tham gia cùng khối đầu tư tư nhân vào khởi nghiệp, theo mô hình mà nhiều quốc gia đã thực hiện rất thành công.

***3.2.2. Chỉ thu thuế TNDN sau khi doanh nghiệp đạt doanh thu ở một mức nhất định tạo điều kiện để DNKNST tập trung các nguồn lực cho việc nghiên cứu và phát triển sản phẩm.***

Việc đáp ứng và tuân thủ các quy định về thuế là một gánh nặng lớn đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa trong đó có DNKNST. Với đặc thù là các công ty chuyên phát triển các sản phẩm mới, tạo ra phân khúc hoàn toàn mới trên thị trường, tạo ra tính đột phá, do vậy việc yêu cầu khai báo thuế và thực hiện các thủ tục bắt buộc về thuế ngay từ lúc doanh nghiệp đi vào hoạt động kinh doanh khiến các DNKNST hết sức khó khăn, về cả nhận sự và về cả vấn đề chấp hành chủ trương của pháp luật. Nó khá tốn kém về mặt thời gian, tiền bạc và cả công sức, nhưng hiệu quả quản lý không cao. Thay vào đó nên quy định, doanh nghiệp đạt đến mức độ doanh thu bao nhiêu đó 1 năm thì mới thực hiện các thủ tục báo cáo thuế, kê khai thuế và nộp thuế cho nhà nước. Việc này sẽ giúp doanh nghiệp tập trung cho lĩnh vực hoạt động chuyên môn của mình, hạn chế bị phân tâm trong quá trình vận hành.

***3.2.3. Xây dựng quỹ đầu tư cho DNKNST ở cấp trung ương theo mô hình Fund of funds***

Việc xây dựng quỹ ở cấp địa phương sẽ không hiệu quả bởi tản mác, chung chung, lãng phí nguồn lực, mang tính cục bộ địa phương. Do đó cần xây dựng một quỹ đầu tư cho DNKNST ở cấp trung ương mang các đặc điểm sau:

- + Chính phủ dự liệu một khoản ngân sách để rót vào quỹ này;
- + Dự kiến cơ chế thành lập, quản lý nhà nước đối với của quỹ (về mặt hành chính);
- + Dự kiến cơ chế vận hành/đầu tư của quỹ;

***3.2.4. Kết hợp biện pháp hỗ trợ trợ cấp với các biện pháp hỗ trợ khác***

Xây dựng các biện pháp hỗ trợ mang tính miễn trừ, tài trợ bên cạnh biện pháp trợ cấp nhằm cân bằng tài chính, tạo ra nguồn lực dài hạn tiến

đền hỗ trợ bền vững cho các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo. Thực tiễn của nhiều nước trên thế giới cho thấy việc kết hợp biện pháp hỗ trợ trợ cấp với các biện pháp hỗ trợ khác (về thủ tục, về miễn giảm nghĩa vụ), hiệu quả dự kiến sẽ cao hơn rất nhiều bởi:

- Thứ nhất, không quá tốn kém về nguồn lực: Để triển khai các biện pháp hỗ trợ dạng này, ngoài các chi phí tối thiểu phải bỏ ra một lần (ví dụ chi phí để điều chỉnh, bổ sung, sửa đổi các văn bản quy định về quy trình, mức phí, lệ phí, miễn giảm thuế...) và giảm các nguồn thu trong tương lai (các khoản thuế, phí, lệ phí lẽ ra phải nộp nhưng DNKNST được miễn, giảm), các biện pháp này không đòi hỏi Nhà nước phải bỏ ra nguồn lực nào khác để triển khai.

- Thứ hai, phạm vi hỗ trợ có thể mở rộng: Do khi thực hiện các biện pháp hỗ trợ dạng này, Nhà nước không phải trực tiếp chi từ Ngân sách nên không bị ràng buộc bởi các giới hạn nguồn lực, và vì vậy có thể thực hiện với nhiều đối tượng thụ hưởng. Hơn nữa, trong quá trình triển khai các biện pháp hỗ trợ dạng này, Nhà nước không phải tạo dựng thêm bộ máy hay cơ chế mới mà hoàn toàn có thể dùng các cơ quan, cách thức hiện tại để thực hiện việc hỗ trợ nên DNKNST ở bất kỳ khu vực địa lý, lĩnh vực hoạt động nào cũng đều có thể tiếp cận và thụ hưởng các hỗ trợ này.

- Thứ ba, hỗ trợ đúng đối tượng, trúng nhu cầu: Với tính chất là các hỗ trợ trực tiếp cho các DNKNST, chỉ áp dụng khi DNKNST triển khai các thủ tục, hoặc phát sinh khoản thuế, phí, lệ phí liên quan, về nguyên tắc một DNKNST sẽ không thể hưởng lợi quá một lần cho các thủ tục, khoản thuế, phí, lệ phí được hỗ trợ. Do đó, các biện pháp hỗ trợ dạng này cho phép hạn chế tối đa tình trạng trùng lặp, lãng phí hay thông đồng trong hỗ trợ DNKNST.

### ***3.2.5. Xác định cơ chế lựa chọn DNKNST nhận hỗ trợ từ chính phủ***

- Xây dựng bộ tiêu chí và các bước xác hạch để các DNKNST làm căn cứ thực hiện khi nộp đơn đăng ký nhận hỗ trợ từ chính phủ. Cần phân làm 2 loại, hỗ trợ thông thường mang tính miễn trừ, tài trợ và hỗ trợ đặc biệt mang tính trợ cấp cho các doanh nghiệp đăng ký, tránh lãng phí nguồn lực và tạo công bằng cho các doanh nghiệp khi tham gia thị trường.

- Rà soát kinh nghiệm quốc tế cho thấy các nước phần lớn đều quy định các tiêu chí khác nhau cho từng nhóm biện pháp hỗ trợ. Đối với các nhóm hỗ trợ không đòi hỏi nguồn lực lớn, trong khi nhiều DNKNST có nhu cầu thì áp dụng các điều kiện thụ hưởng đơn giản, để đáp ứng đề

càng nhiều DNKNST được hưởng hỗ trợ càng tốt, qua đó tạo ra hỗ trợ rộng khắp, lan tỏa, thúc đẩy cộng đồng DNKNST. Đối với nhóm hỗ trợ cần nguồn lực lớn, điều kiện thụ hưởng sẽ thắt chặt, khó khăn hơn, quy trình chặt chẽ hơn, cho phép lựa chọn các đối tượng mục tiêu hẹp hơn, xứng đáng hơn. Thông thường thì các điều kiện để thụ hưởng các hỗ trợ về vốn, tín dụng hay tài trợ tài chính sẽ nhiều hơn, khó khăn hơn; trong khi các điều kiện để thụ hưởng các hỗ trợ về thủ tục (ví dụ thủ tục rút gọn/nhanh khi gia nhập thị trường, rút khỏi thị trường, quy trình kế toán đơn giản hơn, cơ chế tự xác nhận...), về giảm các loại phí, lệ phí chính thức (phí đăng ký/duy trì bảo hộ sở hữu trí tuệ, phí đăng ký kinh doanh...) thì ít hơn, đơn giản hơn, quy trình xét cấp hỗ trợ cũng nhanh hơn, tự động hơn.

### ***3.2.6. Phát triển các cơ sở hỗ trợ bằng việc ưu đãi vốn, mặt bằng, cơ sở hạ tầng, thuế, công nghệ cho các vườn ươm, khu làm việc chung***

Nhà nước cần xem xét cụ thể hóa các quy định phát luật tại các Nghị định, Thông tư hướng dẫn nhằm hỗ trợ vốn, ưu đãi mặt bằng, cơ sở hạ tầng, thuế,... để các chủ thể đầu tư vào các tổ chức hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo như khu làm việc chung, vườn ươm công nghệ, khu thí nghiệm, khu thử nghiệm sản phẩm,... các tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp phát triển sẽ giúp doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo tiết kiệm nhiều chi phí về mặt bằng, máy móc, thiết bị, nhân sự quản lý và vận hành tiết bị,... các doanh nghiệp chỉ tập trung và nghiên cứu và phát triển sản phẩm các vấn đề cơ sở vật chất, thủ tục pháp lý giao lại cho các tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp.

### ***3.2.7. Cải cách thủ tục hành chính nhằm tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho DNKNST***

Cải cách thủ tục hành chính theo hướng rút gọn thời gian xử lý, đơn giản hóa các thủ tục hành chính dành cho đối tượng DNKNST và các đối tượng liên quan nhằm đáp ứng yêu cầu thực tiễn. Hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo tốt nhất không phải là trợ cấp vốn, tín dụng hay ưu đãi nào khác, điều quan trọng nhất vẫn là tiếp tục gỡ bỏ những giấy phép con, những quy định và thủ tục hành chính bất hợp lý tạo ra rào cản và gánh nặng kinh doanh cho doanh nghiệp. Cơ quan có thẩm quyền cấp trung ương ban hành văn bản quy định và hướng dẫn về việc thực hiện hỗ trợ. Bộ Kế hoạch và Đầu tư, cơ quan chủ trì việc tổ chức thực hiện các thủ tục gia nhập thị trường, rút khỏi thị trường hoàn toàn có thể quy định về quy trình đăng ký, giải thể rút gọn dành riêng cho các DNKNST, về các tư vấn miễn phí của cán bộ Nhà nước cho DNKNST thực hiện các quy

trình này, phối hợp với Bộ Tài chính để quy định trường hợp giảm phí, lệ phí đối với chủ thể đăng ký là DNKNST. Tương tự, Bộ Khoa học và Công nghệ, cơ quan quản lý về bảo hộ tài sản sở hữu trí tuệ, có thể quy định về quy trình rút gọn cho đăng ký bảo hộ tài sản sở hữu trí tuệ của DNKNST, phối hợp với Bộ Tài chính để quy định trường hợp miễn/giảm phí đăng ký ban đầu, phí duy trì bảo hộ hàng năm cho các DNKNST.

### **KẾT LUẬN CHƯƠNG 3**

Đối với việc đề xuất định hướng và các giải pháp hoàn thiện pháp luật hỗ trợ DNKNST, luận văn đã đạt được một số kết quả như sau:

- Thứ nhất, luận văn đề xuất định hướng tuyên truyền xây dựng hình ảnh quốc gia khởi nghiệp đối với Việt Nam như các nước đã và đang thực hiện nhằm khơi dòng cho hoạt động khởi nghiệp sáng tạo tại Việt Nam.

- Thứ hai, luận văn đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật hỗ trợ DNKNST trên cơ sở các kết quả nghiên cứu nhằm giải quyết các vấn đề: vốn đầu tư cho DNKNST, cơ chế lựa chọn DNKNST nhận hỗ trợ từ chính phủ, khuyến khích phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo,...

### **KẾT LUẬN CHUNG**

DNKNST đại diện cho mô hình kinh doanh mới, là động lực chính thúc đẩy phát triển kinh tế và tăng năng suất trong xã hội dựa trên tri thức và công nghệ. Đó là hình thức phù hợp nhất để thực hiện các phát minh, sáng kiến và đó là cơ chế tốt nhất để thương mại hóa các công nghệ mới, đưa các thành tựu khoa học kỹ thuật vào cuộc sống, đóng góp vào sự phát triển nhanh chóng của các công nghệ mới và vị trí mà chúng hoạt động.

Pháp luật hỗ trợ DNKNST được các nước trên thế giới dành sự quan tâm đặc biệt nhằm xây dựng hành lang pháp lý đủ mạnh và đủ sức hỗ trợ để DNKNST nói riêng và hệ sinh thái khởi nghiệp nói chung trở thành nền tảng của nền kinh tế, động lực thúc đẩy tăng trưởng, giải quyết việc làm, tạo thu nhập và khẳng định vị thế của mỗi quốc gia.

Kết quả nghiên cứu từ luận văn đã làm rõ những vấn đề sau:

1. Luận văn đã làm rõ khái niệm, đặc điểm và vai trò của DNKNST và khái niệm hỗ trợ DNKNST, vai trò của việc hỗ trợ DNKNST. Việc

hiệu đúng và đầy đủ về DNKNST sẽ giúp ích cho các cơ quan nhà nước trong việc xây dựng chính sách dành cho loại hình doanh nghiệp này, hạn chế tình trạng lãng phí nguồn lực do hỗ trợ không đúng đối tượng. Ngoài ra, luận văn đã xác định nội dung pháp luật hỗ trợ DNKNST bao gồm các vấn đề hỗ trợ về vốn, hỗ trợ tín dụng, hỗ trợ thuế và các hỗ trợ khác (sở hữu trí tuệ, chuyển giao khoa học công nghệ, phát triển cơ sở hạ tầng vườn ươm, khu làm việc chung,...) và tham khảo kinh nghiệm hỗ trợ DNKNST của một số quốc gia tiêu biểu từ đó đưa ra bài học cho Việt Nam trong vấn đề xây dựng pháp luật hỗ trợ DNKNST.

2. Luận văn tập trung tổng hợp thực trạng pháp luật hỗ trợ DNKNST ở Việt Nam trên 4 khía cạnh: hỗ trợ về vốn, hỗ trợ về tín dụng, hỗ trợ về thuế và các hỗ trợ khác. Thực tiễn thi hành, luận văn tập trung đánh giá những hạn chế, tồn tại trong việc thi hành pháp luật hỗ trợ DNKNST, làm tiền đề cho việc đề xuất giải pháp hoàn thiện pháp luật trong chương 3.

3. Luận văn đề xuất định hướng tuyên truyền xây dựng hình ảnh quốc gia khởi nghiệp đối với Việt Nam như các nước đã và đang thực hiện nhằm khơi dòng cho hoạt động khởi nghiệp sáng tạo tại Việt Nam. Đồng thời, căn cứ thực trạng pháp luật hỗ trợ DNKNST và thực tiễn thi hành, tác giả đã đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật hỗ trợ DNKNST trên cơ sở các kết quả nghiên cứu nhằm giải quyết các vấn đề: vốn đầu tư cho DNKNST, cơ chế lựa chọn DNKNST nhận hỗ trợ từ chính phủ, khuyến khích phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo,...



## DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đặng Bảo Hà (2015), *Xây dựng và phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp: vai trò của chính sách chính phủ*, Cục Thông tin Khoa học và công nghệ Quốc gia.
2. Lê Minh Hương (2017), *Chính sách tài chính hỗ trợ DN khởi nghiệp: Kinh nghiệm một số nước và gợi ý cho Việt Nam*, Tạp chí Quản lý ngân quỹ Quốc gia số 176 (2/2017).
3. Trần Lương Sơn, Chu Thái Hòa (2016), *Nhà nước và khởi nghiệp: Bài học kinh nghiệm đối với Việt Nam*.
4. VCCI (2017), *Báo cáo nghiên cứu cơ chế hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo. Kinh nghiệm quốc tế - Đề xuất giải pháp cho Việt Nam*.